TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/DS-PT
Ngày: 13 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 344/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1/. Ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1933. (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa)

Thường trú: 2600 Corde Terra Cir 2116 San Jose CA 95111 USA (Hoa Kỳ).

Tạm trú: 167 đường Trần Bình Trọng, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

2/. Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: 167 đường Trần Bình Trọng, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Bạch Y: Ông Tạ Thanh Ph,

sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: 261/3 đường Phước Thiện, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Địa chỉ: 49 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Đình Ph – Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: 161 đường Phú Lợi, phường Phú Lợi, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Ông Võ Đình Ph ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Văn Ph1 – Chánh Thanh tra giám sát Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2/. Ngân hàng A Việt Nam

Địa chỉ: số 02 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Khánh L, chức vụ: Cán bộ pháp chế Ngân hàng A Việt Nam - chi nhánh Bình Dương. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y; bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y thống nhất trình bày:

Năm 1977, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương) mời gia đình ông D, bà Y từ Thành phố Hồ Chí Minh lên bỏ vốn đầu tư xây dựng Cơ sở sửa chữa cơ giới tư nhân (gọi là Xưởng sửa chữa cơ giới Sông Bé), được UBND tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương) cấp 10.000m^2 đất tại khu G, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương theo Giấy phép số 288 ngày 04/7/1977 và số 314 ngày 20/7/1977. Xưởng hoạt động được 01 năm thì ngày 02/02/1978, ông Tư Ng nguyên Bí thư Tỉnh ủy Sông Bé (đã qua đời) cho người bạn thân tên S (nhà ở tại Đường Y, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh) đến xưởng giả vờ mua một chiếc xe máy cày công nông (có giấy sở hữu chủ tư nhân) giá trị khoảng 1.000VNĐ lúc bấy giờ. Sau đó, ông Nguyễn Ng thiếu tá Công an tỉnh Sông Bé đã dẫn khoảng 01 Trung đội Cảnh sát cơ động ập vào

xưởng lập biên bản với tội danh chụp mũ gọi là mua bán xe trái phép do Nhà nước quản lý, đồng thời kiểm kê tài sản bắt ông Hoàng Quốc D (gọi tắt là ông D) giam tù 08 năm. Đến ngày 02/02/1985, ông D được trả tự do về quản chế 02 năm tại địa chỉ của xưởng. Tuy nhiên, vì không có cơ sở để cấu thành tội phạm nên chẳng có phiên tòa nào xét xử nên vụ án trên là vụ án oan sai *"vô tiền khoáng hậu"*. Đến ngày 21/4/1978, nhân viên Công an tỉnh Sông Bé tên Phạm Lê H đến Ngân hàng thị xã Th kiểm tra tài khoản số 01.379.06 do ông D làm chủ tài khoản có số dư đến ngày 20/7/1977 là 42.540,64VNĐ. Trong thời gian ông D bị tạm giam, thân nhân của ông D không được lãnh số tiền trên để sinh sống và kinh doanh. Ngày 27/10/1990, các cơ quan ban ngành thuộc tỉnh Sông Bé họp xét khiếu tố, tại Biên bản số 46/BB.UB Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé đã chỉ đạo Ngân hàng tỉnh phối hợp với Sở Tài chính và Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé có tính toán đề xuất xử lý số tiền gửi của ông D vào tháng 11/1990, nhưng không cơ quan nào chấp hành giải quyết. Ngày 12/11/1991, UBND tỉnh Sông Bé có Quyết định số 421 chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn trả tài sản cho ông D trong thời gian 30 ngày và chỉ đạo Ngân hàng tỉnh báo cáo về UBND tỉnh Sông Bé để xử lý số tiền gửi của ông D, nhưng Ngân hàng cũng không chấp hành. Ngày 27/7/1992, qua khiếu nại của ông D, bà Y, Thanh tra tỉnh Bình Dương đã yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông D, bà Y theo giá gốc bằng gạo số tiền dư trong tài khoản cả gốc lẫn lãi là 53.973,35VNĐ, cơ quan Thanh tra tỉnh Bình Dương xác nhận rằng về mặt pháp lý thì có phần đúng nhưng Ngân hàng không giải quyết vì vụ án không phải do Ngân hàng gây nên. Ngày 15/8/1992, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương có Thông báo số 01/TB mời ông D, bà Y đến nhận tiền, nhưng chỉ trả 5.000VNĐ; ông D, bà Y có hỏi lí do thì Ngân hàng trả lời do đổi tiền. Do đó, ông D, bà Y không nhận tiền; đồng thời, tiến hành khiếu nại lên các cơ quan Trung ương và chính quyền tỉnh đề nghị giải quyết và bồi thường thiệt hại số tiền trên, do không sinh lợi kinh doanh trong thời gian bị giam 08 năm oan sai. Tại buổi họp xét khiếu tố, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đã có Thông báo số 280/TB-UBND ngày 12/9/2011 kết luận giải quyết tính toán bằng giá gạo tại từng thời điểm, nhưng Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương không thực hiện và cũng không tham mưu để UBND tỉnh Bình Dương giải quyết thỏa đáng. Đối với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương, mặc dù có các cơ quan chuyển đơn khiếu nại của ông D, bà Y nhưng không giải quyết theo quy định của pháp luật mà chỉ trả lời tài khoản của ông D, bà Y là tài khoản vắng chủ; đồng thời, Ngân hàng báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là số tiền của ông D, bà Y do họ quản lý đã được tất toán gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ năm 1994. Căn cứ các văn bản trả lời của các cơ quan Nhà nước thì số tiền mà Ngân hàng gọi là tất toán bị sai số liệu một cách đáng ngờ, vì từ năm 1985 Ngân hàng thị xã Th đã chuyển cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương theo Giấy báo liên ngân hàng số 006327 là 53.973,35VNĐ. Vậy số tiền chênh lệch bị mất đang nằm ở đâu, ai sử dụng? Ông D được trả tự do ngày 02/02/1985 tại sao Ngân hàng không trực tiếp thanh lý trả tiền cho ông D mà phải chuyển cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương quản lý từ

ngày 20/7/1985 (sau khi ông D được trả tự do 05 tháng)? Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương tiếp nhận số tiền của ông D với mục đích gì? Cho nên, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương phải có trách nhiệm giải quyết và bồi thường cho ông D, bà Y như sau:

Giá gạo năm 1978 là 0,14 đồng/kg; giá gạo năm 2020 là 12.000 đồng/kg. số tiền gốc gửi Ngân hàng Th là: (42.540,64 đồng : 0,14 đồng/kg = 303.860 kg) x 12.000 đồng/kg = 3.646.320.000 đồng (số làm tròn). Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0.2%/năm tính từ năm 1978 đến năm 2020 là: 42 năm x 0.2%/năm x 3.646.320.000 đồng = 306.290.880 đồng. Tổng cộng: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải trả và bồi thường cho ông D, bà Y số tiền là 3.952.610.880 đồng.

Bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình bày:

Về thời hiệu khởi kiện: Theo hồ sơ, tài liệu hiện có gồm: Công văn số 77/CV.TTr ngày 27/7/1992 của Thanh tra tỉnh Sông Bé và Thông báo số 01/TB ngày 15/8/1992 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sông Bé thì thời điểm năm 1992, Thanh tra tỉnh Sông Bé và Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sông Bé đã phối hợp làm việc, tính toán số tiền phải trả cho ông D và có Thông báo số 01/TB ngày 15/8/1992 mời ông D đến nhận lại tiền. Tuy nhiên, ông D từ chối không nhận vì không đồng ý với cách tính số tiền được nhận lại do sau hai lần đổi tiền, số tiền được trả lại chỉ còn 5.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2020, ông D xác định ông không nhận tiền và đã tiến hành khiếu nại lên các cơ quan trung ương và chính quyền tỉnh đề nghị giải quyết và bồi thường. Tuy nhiên, theo hồ sơ tài liệu mà Ngân hàng Nhà nước đang lưu giữ thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không lưu giữ đơn khởi kiện nào trong giai đoạn từ năm 1992 đến ngày 22/4/2020. Do đó, Ngân hàng Nhà nước đề nghị Tòa án xem xét xác định thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn ông D theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, từ đó làm cơ sở xem xét đình chỉ giải quyết vụ án.

Về ý kiến trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện*:* Qua rà soát các hồ sơ, tài liệu, Nhân hàng Nhà nước nhận thấy một số nội dung tại đơn khởi kiện của ông D phản ánh chưa chính xác, sai sự thật, không phù hợp với hồ sơ tài liệu lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bình Dương, cụ thể:

1/. Tại mục I trang 2 Đơn khởi kiện có nêu: *"Ngày 12/11/1991, dưới số 421 quyết định của UBND tỉnh Sông Bé chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn trả tài sản cho chúng tôi trong thời gian 30 ngày, tại quyết định này UBND tỉnh Sông Bé cũng đã chỉ đạo Ngân hàng tỉnh báo cáo về Ủy ban tỉnh để xử lý số tiền gửi của chúng tôi nhưng Ngân hàng cũng không chấp hành giải quyết"*. Tuy nhiên, ông D cho rằng Ngân hàng không chấp hành giải quyết là không chính xác, theo nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 421/QĐ-UB, Thanh tra tỉnh Sông Bé đã làm việc với Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sông Bé để bàn bạc hướng giải quyết số tiền của ông D và kết quả là Công văn số 77/CV.TTr ngày 27/7/1992 của Thanh tra tỉnh Sông Bé và Thông báo số 01/TB ngày 15/8/1992 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sông Bé gửi ông D thông báo việc trả lại tiền.

2/. Tại mục I trang 2 Đơn khởi kiện có nêu: *"Ngày 27/7/1992, qua khiếu nại của chúng tôi Thanh tra tỉnh đã yêu cầu Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Dương hoàn trả cho chúng tôi theo giá gốc bằng gạo, số tiền dư trong tài khoản cả vốn lẫn lời là 53.973,35VNĐ, cơ quan thanh tra tỉnh xác nhận rằng về mặt pháp lý thì có phần đúng nhưng ngân hàng không giải quyết là vì vụ án không phải do ngân hàng gây nên".* Tuy nhiên, nội dung Công văn số 77/CV.TTr ngày 27/7/1992 của Thanh tra tỉnh Sông Bé hoàn toàn không có nội dung Thanh tra tỉnh yêu cầu Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sông Bé hoàn trả số tiền cho ông D theo giá gốc bằng gạo. Đồng thời, về nguyện vọng của ông D được quy đổi tính số tiền theo giá gạo từng thời kỳ, Thanh tra tỉnh cũng trả lời *"trường hợp này không thể giải quyết theo nguyện vọng của ông được vì không phải do lỗi tại ngân hàng".* Như vậy, không phải là ngân hàng không giải quyết như nội dung ông D nêu tại đơn khởi kiện.

3/. Tại mục II. 1 trang 3 Đơn khởi kiện có nêu: *"Ngày 12/9/2011, dưới Thông báo số 280/TB-UBND tại buổi xét khiếu tố Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đã kết luận giải quyết tính toán bằng giá gạo từng thời điểm, nhưng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Dương không thực hiện mà cũng không có ý kiến tham mưu để Ủy ban tỉnh giải quyết thỏa đáng".* Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương đã có Báo cáo số 1215/BC-BDU3 ngày 28/11/2011 gửi Thanh tra tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 290/TB-UBND. Ngoài ra, liên quan đến các chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương về việc rà soát các chính sách, vận dụng để tính lãi suất đối với số tiền gửi của ông D, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương cũng đã báo cáo UBND tỉnh Bình Dương tại Báo cáo số 1145/BC-BDU3 ngày 13/10/2014, cũng như tính toán số tiền ông D được hoàn trả và báo cáo UBND tỉnh Bình Dương tại các Báo cáo số 1030/BC-BDU3 ngày 01/10/2013 và 1244/BC-BDU3 ngày 03/11/2017.

Về số tiền yêu cầu trả lại và bồi thường của nguyên đơn*:*

- Ông D yêu cầu trả số tiền quy đổi theo giá gạo năm 1978 là 0,14 đồng và giá gạo năm 2020 là 12.000 đồng/kg. Nội dung này, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương đã có ý kiến tại Báo cáo số 1215/BC-BDU3 ngày 28/11/2011 gửi Thanh tra tỉnh Bình Dương. Theo đó, Công văn 1305/PPLT ngày 07/12/1992 của Văn phòng Chính phủ về trả tiền tiết kiệm cho bộ đội gửi lại trước khi đi chiến trường và Công văn số 528/CV-NH1 ngày 16/12/1992 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn trả tiền tiết kiệm của bộ đội gửi lại trước khi đi chiến trường chỉ có hướng dẫn việc chi trả tiền gửi tiết kiệm của bộ đội gửi trước khi đi chiến trường quy đổi theo giá gạo ở thời điểm gửi và thời điểm trả. Khoản tiền trên tài khoản tiền gửi của ông D không thuộc đối tượng áp dụng Công văn số 1305/PPLT ngày 07/12/1992 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 528/CV-NH1 ngày 16/12/1992 của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, việc ông D yêu cầu chi trả khoản tiền gửi bị phong tỏa khi ông D bị bắt quy đổi theo giá gạo là không có cơ sở để thực hiện.

Về yêu cầu hoàn trả và bồi thường đối với số tiền trên tài khoản: Ông D

yêu cầu hoàn trả và bồi thường theo lãi suất 0.2%/năm trong 42 năm, tính từ năm 1978 đến năm 2020 trên số tiền gốc bằng số dư gửi tại Ngân hàng thị xã Th từ năm 1977. Trong quá trình xử lý của các cơ quan về việc trả lại số tiền trên tài khoản của ông D được tính lãi cụ thể như sau: Theo phiếu chuyển khoản và văn bản xác minh tiền gửi trên tài khoản 01.379.06 đến ngày 20/7/1985 là 53.973,35đ, bao gồm: 42.540,64VNĐ tiền gốc và tiền lãi từ tháng 7/1977 đến tháng 7/1985 là 11.432,71VNĐ; theo Công văn số 77/CV.TTr ngày 27/7/1992 của Thanh tra tỉnh Sông Bé, Ngân hàng Nhà nước tỉnh sẽ hoàn trả số tiền trên tài khoản của ông D từ ngày 20/7/1985 cộng với lãi suất tiền gửi theo từng thời điểm cho đến ngày trả cho ông D. Mặt khác, liên quan đến số tiền trên tài khoản của ông D, UBND tỉnh Bình Dương đã có Công văn số 2928/UBND-BTCD ngày 20/6/2019 trả lời, theo đó: số tiền trên tài khoản của ông D hiện nay đã được UBND tỉnh Bình Dương xử lý theo hướng thống nhất chi trả tiền gửi Ngân hàng cho ông Hoàng Quốc D như sau:

+ Số dư trên tài khoản của ông D ngày 20/7/1977 là 42.540,64 đồng;

+ Tiền lãi từ ngày 20/7/1977 đến ngày 20/7/1985 là 11.432,71 đồng;

+ Số dư đến ngày 20/7/1985 là 53.973,35 đồng;

+ Tiền lãi từ ngày 20/7/1985 đến ngày đổi tiền (14/9/1985) là 2.050,99 đồng;

+ Cuối ngày đổi tiền còn lại số tiền cả gốc và lãi là 5.602,43 đồng;

+ Tiền lãi từ ngày 15/9/1985 đến hết năm 1994 là 43.412,71 đồng.

Số dư trên tài khoản của ông D tính đến hết năm 1994 (cả gốc và lãi) là 49.015,14 đồng. Do đó, UBND tỉnh Bình Dương xử lý theo hướng thống nhất chi trả tiền gửi Ngân hàng cho ông Hoàng Quốc D số tiền 49.015,14 đồng.

Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không đình chỉ giải quyết vụ án thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hoàn trả tiền và bồi thường số tiền quy đổi theo giá gạo và tính lãi đến thời điểm hiện nay là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A Việt Nam do bà Trần Thị Khánh L làm đại diện trình bày.

Thời điểm ông D gửi tiền là gửi vào Ngân hàng thị xã Th. Ngân hàng A (gọi tắt là A) được thành lập từ ngày 26/3/1988. Việc chuyển giao tiền là giao dịch nội bộ giữa Ngân hàng thị xã Th và Ngân hàng Nhà nước. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, Ngân hàng A đồng ý với ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Bình Dương đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại Văn bản số 2928/UBND-BTCD ngày 20/6/2019 *"về việc trả lời khiếu nại của ông Hoàng Quốc D"* thì UBND tỉnh Bình Dương thống nhất theo cách tính của Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Dương về số tiền hoàn trả cho ông D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 185, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 170 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Buộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường cho ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y số tiền 4.245.600 đồng (bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy đổi số tiền 42.540,64 đồng theo giá gạo của các năm 1960, 1961, 1962 là 0,14 đồng/kg, tương đương 303.860kg gạo để buộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoàn trả theo giá gạo năm 2021 là 12.000 đồng/kg với số tiền 3.646.320.000 đồng; và yêu cầu trả lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo mức lãi suất 0.2%/năm tính từ năm 1978 đến năm 2020 với số tiền 306.290.880 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 16/4/2021, nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/4/2021, bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định tài khoản tiền gửi của ông Hoàng Quốc D không phải là tiền gửi tiết kiệm, không áp dụng Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 10/01/1992 để quy đổi tiền theo giá gạo; xác định số tiền Ngân hàng nhà nước phải hoàn trả là 49.015,14 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y và người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D, bà Y và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt, trong đó ông D có đơn xin hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Ông D, bà Y và người đại diện theo ủy quyền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông D, bà Y. Đối với kháng cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y và bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y và người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D, bà Y và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt, trong đó ông D có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét thấy, lý do ông D đưa ra để xin hoãn phiên tòa là không chính đáng, không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông D, bà Y.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất xác định vào năm 1977, khi mở xưởng sửa chữa cơ giới tư nhân tại tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) thì ông Hoàng Quốc D có mở tài khoản số 01.379.06 tại Ngân hàng thị xã Th. Ngày 02/02/1978, ông D bị bắt giam về tội *"Mua bán trái phép xe nhà nước quản lý"*. Theo *"Biên bản đối chiếu tài khoản 01.379.06 của Xưởng cơ khí ngày 21/4/1978"* giữa Ty Công an tỉnh Sông Bé với Ngân hàng thị xã Th thì tài khoản

số 01.379.06 do ông D làm chủ có số dư 42.540,64VNĐ. Theo phiếu chuyển khoản ngày 20/7/1975 và văn bản về việc xác minh tiền gửi của ông Hoàng Quốc D ngày 26/7/1989 của Ngân hàng thị xã Th gửi Ủy ban Thanh tra tỉnh Sông Bé và Ngân hàng tỉnh Sông Bé xác định: "*Tài khoản 01.379.06 có số dư đến ngày 20/7/1977 là 42.540,64 đồng. Từ tháng 7/77 đến tháng 7/85 ngân hàng đã trả lãi cho đơn vị số tiền 11.432,71 đồng và đến ngày 20/7/1985 số dư của tài khoản là 53.973,35 đồng*". Như vậy, việc ông D gửi tiền vào tài khoản 01.379.06 tại Ngân hàng thị xã Th và có số dư 42.540,64VNĐ là đúng sự thật; đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y yêu cầu được nhận lại số tiền 42.540,64VNĐ và lãi phát sinh, quy đổi bằng giá gạo năm 2020 là 12.000 đồng/kg; tổng cộng số tiền yêu cầu được nhận là 3.952.610.880 đồng.

Xét thấy, số tiền 42.540,64VNĐ ông D, bà Y gửi tại Ngân hàng có trước ngày 01/3/1978 nên theo Quyết định số 01-HĐBT-TĐ ngày 13/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng và hướng dẫn tại Thông tư số 08-NH/TT ngày 28/10/1985 thì số tiền gốc được quy đổi với tỷ lệ *"1 đồng cũ bằng 1 đồng mới"*. Như vậy, số tiền gốc ông D, bà Y gửi tại Ngân hàng sau khi đổi tiền là 41.540,64 đồng.

Tiền lãi của ông D, bà Y phát sinh từ ngày 20/7/1077 đến ngày 20/7/1985 được Ngân hàng thị xã Th xác định là 11.432,71 đồng. Theo Quyết định số 01-HĐBT-TĐ ngày 13/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng và hướng dẫn tại Thông tư số 08-NH/TT ngày 28/10/1985 thì số tiền gốc được quy đổi với tỷ lệ *"9 đồng cũ bằng 1 đồng mới"* nên tiền lãi từ ngày 20/7/1077 đến ngày 20/7/1985 là 1.270,30 đồng.

Tiền lãi của ông D, bà Y phát sinh từ ngày 20/7/1985 đến ngày đổi tiền 14/9/1985 được Ngân hàng thị xã Th xác định là 2.050,99 đồng. Theo Quyết định số 01-HĐBT-TĐ ngày 13/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng và hướng dẫn tại Thông tư số 08-NH/TT ngày 28/10/1985 thì số tiền gốc được quy đổi với tỷ lệ *"10 đồng cũ bằng 1 đồng mới"* nên tiền lãi từ ngày 20/7/1985 đến ngày 14/9/1985 là 205,10 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi tiền gửi của ông D, bà Y tại Ngân hàng thị xã Th sau khi đổi tiền (ngày 14/9/1985) là 44.016,04 đồng.

Với số dư nợ trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định vào từng thời điểm và xác định tổng số tiền gốc, lãi phải trả cho ông D, bà Y đến ngày 31/12/1994 tổng cộng 389.177,65 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ ngày 01/01/1995 trở đi, số tiền gửi của ông D được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Dương tất toán số dư trên sổ sách và chuyển về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý theo diện vắng chủ; do ông D, bà Y không đồng ý và không liên hệ nhận lại. Vì vậy, từ thời điểm này, ông D, bà Y không được thanh toán lãi đối với số dư nợ trên.

Đối với số nợ 389.177,65 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm quy đổi theo giá gạo

năm 1994 và giá gạo năm 2020 (đơn giá mà ông D, bà Y yêu cầu quy đổi); xác định số tiền còn phải thanh toán cho ông D, bà Y tổng cộng 4.245.600 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho rằng ông D, bà Y không có chứng cứ chứng minh tài khoản tiền gửi là tài khoản tiết kiệm; các quy định pháp luật thời điểm này quy định các xí nghiệp, tổ chức kinh tế phải thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước; số tiền ông D, bà Y đã gửi phù hợp với tài khoản thanh toán, không phải là tài khoản tiết kiệm. Vì vậy, không áp dụng cách quy đổi tiền tại mục 3 Quyết định số 01-HĐBT-TĐ ngày 13/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng mà cần áp dụng mục 2, quy đổi sức mua 10 đồng tiền cũ bằng 01 đồng tiền mới; xác định số tiền phải trả cho ông D, bà Y chỉ 49.015,14 đồng.

Xét thấy, Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho rằng tài khoản của ông D, bà Y là tài khoản thanh toán nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài khoản trên được hạch toán vào tài khoản thanh toán. Tại văn bản xác minh tiền gởi của ông Hoàng Quốc D ngày 26/7/1989 (sau thời điểm đổi tiền), Ngân hàng thị xã Th vẫn xác định số dư nợ gốc của ông D là 42.540,64 đồng (BL 26, 28); tức thống nhất tỷ lệ quy đổi *"1 đồng cũ bằng 1 đồng mới"* theo quy định tại mục 3 Quyết định số 01-HĐBT-TĐ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho rằng phải quy đổi theo tỷ lệ được quy định tại mục 2 Quyết định số 01-HĐBT-TĐ.

Đối với việc áp dụng Thông tư số 01/TTLN ngày 10/01/1992 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao trong việc giải quyết yêu cầu của ông D, bà Y. Xét thấy, Thông tư số 01/TTLN ngày 10/01/1992 hiện nay đã hết hiệu lực thi hành nên việc Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn để áp dụng là chưa phù hợp. Tuy nhiên, nhìn nhận trong vụ án này, việc ông D, bà Y gửi tiền vào Ngân hàng thị xã Th (nay là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Dương) là có thật. Từ năm 1990, ông D, bà Y đã có yêu cầu được nhận lại số tiền trên. Sự việc đã được UBND tỉnh Sông Bé, Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé, Thanh tra tỉnh Bình Dương yêu cầu các cơ quan ban ngành giải quyết trong một thời gian dài nhưng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Dương không thực hiện để giải quyết quyền lợi cho ông D, bà Y. Quá trình giải quyết khiếu nại của ông D, bà Y các cơ quan ban ngành tỉnh Bình Dương cũng thống nhất phương án quy đổi giá gạo; chỉ không thống nhất về cách đổi tiền và chủ thể phải chịu trách nhiệm chi trả cho ông D, bà Y. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng giá gạo năm 1994 quy đổi để buộc Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Dương thanh toán cho ông D, bà Y như đã tuyên là hợp tình, hợp lý. Kháng cáo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Dương không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Buộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường cho ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y số tiền 4.245.600 đồng (bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y đối với bị đơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy đổi số tiền 42.540,64 đồng theo giá gạo của các năm 1960, 1961, 1962 là 0,14 đồng/kg, tương đương 303.860kg gạo để buộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoàn trả theo giá gạo năm 2021 là 12.000 đồng/kg với số tiền 3.646.320.000 đồng; và yêu cầu trả lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo mức lãi suất 0.2%/năm tính từ năm 1978 đến năm 2020 với số tiền 306.290.880 đồng.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0054853 ngày 27/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; đương sự đã thực hiện xong.

Ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Bạch Y được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng